

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 16 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao
giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ
tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 215/TTr-SNNPTNT ngày 20 tháng 10 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông
thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là căn cứ để đánh giá
mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu; lập và thực hiện kế hoạch xây dựng xã đạt
chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 đối với các xã sau khi đã
được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; là cơ sở để chỉ đạo, kiểm tra, đánh
giá, xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và xét khen
thưởng trong phong trào “Gia Lai chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa
bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở,
ban, ngành và địa phương: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn thực
hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 áp
dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện
vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất UBND
tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 để
chỉ đạo xử lý.

2. Các Sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao hướng dẫn, chỉ đạo, giúp đỡ địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định tại Quyết định này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể các cấp, cơ quan thông tin đại chúng phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện tốt Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định tại Quyết định này.

4. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định tại Quyết định này; chỉ đạo tổ chức đánh giá, hoàn thiện hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐTW các Chương trình MTQG (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối CTMTQG XDNTM TW;
- Văn phòng Điều phối CTMTQG XDNTM tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CNXD, NC, VHXH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Kí CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Kpã Thuyên

**BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

(Kèm theo Quyết định số 74 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)



**XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN
2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

1. Là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Ban hành tại Quyết định số 74 /QĐ-UBND ngày 16/11 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	- 100% đường xã được bảo trì hàng năm; - Các tuyến đường được bố trí các hạng mục cần thiết như: Biển báo tại các vị trí nguy hiểm, biển chỉ dẫn tại các nút giao, gờ giảm tốc tại các vị trí giao với đường ưu tiên; trồng cây xanh và hệ thống chiếu	Sở Giao thông Vận tải

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá
			<i>sáng tại các khu vực đông dân cư.</i>	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, làng và đường liên thôn, làng	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	
			100%	
			- Các tuyến đường được bố trí các hạng mục cần thiết như: Biển báo tại các vị trí nguy hiểm; trồng cây xanh và hệ thống chiếu sáng tại các khu vực đông dân cư	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥85%	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	≥85%	Sở Nông nghiệp và PTNT
		3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥15%	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥98%	Sở Công Thương
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá
		chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2		
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	
6	Văn hoá	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	15%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Sở Công Thương
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Sở Thông tin Truyền thông
		8.2. Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Đạt	
		8.3. Dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	
		8.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu đạt chuẩn	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá
		tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới			
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng		Đạt	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		≥80	Sở Xây dựng
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người)	Năm 2021	≥48	Cục Thống kê
			Năm 2022	≥52	
			Năm 2023	≥56	
			Năm 2024	≥60	
			Năm 2025	≥64	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		5%	Sở Lao động - TB&XH
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥75%	Sở Lao động – TB&XH
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥25%	
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn		>39%	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định		≥1	Sở Nông nghiệp và PTNT
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn		≥1	
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm		≥1	
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã		≥1	



		Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$	
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt	
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥ 1	Sở Nông nghiệp và PTNT
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Sở Y tế
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Sở Thông tin Truyền thông
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1	Sở Tư pháp
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 80\%$	
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 30\%$	
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 75\%$	
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4m^2/\text{người}$	Sở Nông nghiệp và PTNT

	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, đánh giá
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 35\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 60 lít	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 25\%$	
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	$\geq 80\%$	Sở Tài nguyên và Môi trường
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Công an tỉnh